UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **BAN DÂN TỘC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 680/BDT-KHTH V/v báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2020	*Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 11 năm 2020*

Kính gửi:

- Các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Y tế, Giáo dục và Đào tạo;
- UBND 05 huyện miền núi và UBND các huyện: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành.

Thực hiện chế độ báo cáo công tác dân tộc quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-UBDT ngày 31/5/2019 và Quyết định số 390/QĐ-UBDT ngày 14/6/2019 về việc công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Uỷ ban Dân tộc, Ban Dân tộc tỉnh đề nghị các Sở: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Y tế, Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện: Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc do địa phương, ngành mình quản lý theo dõi trong năm 2020.

(Có Đề cương và các mẫu biểu kèm theo Công văn này)

Báo cáo của các Sở và UBND huyện gửi về Ban Dân tộc tỉnh **trước ngày 12/12/2020** và gửi bản mềm qua địa chỉ email: yenbdt@gmail.com.

Ban Dân tộc tỉnh đề nghị Lãnh đạo các Sở và UBND các huyện quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng thuộc Ban;
- Lưu VT, KHTH.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN DÂN TỘC

Nguyễn Thế Nhân

ĐỀ CƯƠNG
Báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2020

(Kèm theo Công văn số:680/BDT-KHTH ngày 14 tháng 11 năm 2020 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi)

I. TÌNH HÌNH VÙNG DTTS&MN NĂM 2020

1. Về sản xuất, đời sống

2. Về văn hóa

3. Về giáo dục

4. Về y tế

5. Về an ninh trật tự

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC NĂM 2020

1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện về công tác dân tộc

- Công tác quán triệt, tổ chức, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, và Nhà nước về công tác dân tộc.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về Công tác dân tộc và Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.

- Đề xuất, nghiên cứu, xây dựng đề án, chính sách mới của địa phương.

2. Kết quả hoạt động của cơ quan công tác dân tộc

- Tổ chức bộ máy, nhân sự; thay đổi chức năng, nhiệm vụ; phân cấp quản lý, chỉ đạo.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc: Theo dõi, tổng hợp tình hình vùng dân tộc; xây dựng và giao nhiệm vụ kế hoạch, huy động nguồn lực, phân bổ vốn, ban hành văn bản hướng dẫn; theo dõi, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc; tổ chức thăm hỏi ngày lễ, tết; thực hiện các chính sách an sinh xã hội...

3. Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc

3.1. Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo:

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện, những kó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất của từng chính sách, chương trình, dự án.

- Lập các Biểu tổng hợp kèm theo.

3.2. Kết quả thực hiện một số chương trình, đề án, dự án, chính sách do các bộ, ngành quản lý, chỉ đạo:

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện một số chính sách, chương trình, dự án tác động trực tiếp đến DTTS, thực hiện tại vùng DTTS&MN (Chương trình MTQG xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, các chính sách về y tế, văn

hóa, giáo dục, dạy nghề...).

- Lập các Biểu tổng hợp 014/BN.ĐP kèm theo.

3.3. Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc đặc thù của địa phương:

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án hiện hành.

- Lập Biểu tổng hợp số 014/BN.ĐP kèm theo.

4. Đánh giá chung

1. Đánh giá kết quả thực hiện công tác dân tộc của địa phương: Ưu điểm, hạn chế, khó khăn vướng mắc và nguyên nhân.

2. Đánh giá kết quả chỉ đạo, điều hành về công tác dân tộc của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Dân tộc: Ưu điểm, hạn chế, khó khăn vướng mắc và nguyên nhân.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DÂN TỘC TRỌNG TÂM NĂM 2021

1. Kế hoạch nhiệm vụ công tác dân tộc năm 2021.

2. Giải pháp thực hiện

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 002/ĐP/135.CSHT

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CSHT CHƯƠNG TRÌNH 135

(Kèm theo Công văn số: 680/BDT-KHTH ngày 14 tháng 11 năm 2020 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi)

STT	HẠNG MỤC	Số công trình					Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn (triệu đồng)				Vốn giải ngân (triệu đồng)	Số công trình hoàn thành	Ghi chú
		Khởi công mới	Chuyển tiếp, trả nợ	Duy tu bảo dưỡng	Xã CĐT	Cộng đồng thực hiện		NSTƯ (CT 135)	NSĐP	Dân đóng góp (quy đổi)	Lồng ghép, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8=9+10+11+12*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	Công trình giao thông													
2	Công trình thủy lợi													
3	Công trình điện													
4	Công trình văn hóa													
5	Công trình y tế													
6	Công trình giáo dục													
7	Nước sinh hoạt													
8	Công trình khác													
Cộng														

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 002/ĐV/135.CSHT

THỐNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CSHT CHƯƠNG TRÌNH 135

(Kèm theo Công văn số: 680/BDT-KHTH ngày 14 tháng 11 năm 2020 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Huyện, xã	1. CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG												
		Số công trình					Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn				Vốn giải ngân (triệu đồng)	Số công trình hoàn thành	Ghi chú
		Khởi công mới	Chuyển tiếp, trả nợ	Duy tu bảo dưỡng	Xã CĐT	Cộng đồng thực hiện		NSTƯ (CT135)	NSĐP	Dân đóng góp (quy đổi)	Lồng ghép, vốn khác			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
TỔNG														

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 002/ĐV/135.CSHT

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CSHT CHƯƠNG TRÌNH 135

(Kèm theo Công văn số: 680/BDT-KHTH ngày 14 tháng 11 năm 2020 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Huyện, xã	2. CÔNG TRÌNH THỦY LỢI												
		Số công trình					Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn				Vốn giải ngân (triệu đồng)	Số công trình hoàn thành	Ghi chú
		Khởi công mới	Chuyển tiếp, trả nợ	Duy tu bảo dưỡng	Xã CĐT	Cộng đồng thực hiện		NSTƯ (CT135)	NSĐP	Dân đóng góp (quy đổi)	Lồng ghép, vốn khác			
1	*2*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*
TỔNG														

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 002/ĐV/135.CSHT

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CSHT CHƯƠNG TRÌNH 135

(Kèm theo Công văn số: 680/BDT-KHTH ngày 14 tháng 11 năm 2020 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Huyện, xã	3. CÔNG TRÌNH ĐIỆN												
		Số công trình					Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn				Vốn giải ngân (triệu đồng)	Số công trình hoàn thành	Ghi chú
		Khởi công mới	Chuyển tiếp, trả nợ	Duy tu bảo dưỡng	Xã CĐT	Cộng đồng thực hiện		NSTƯ (CT135)	NSĐP	Dân đóng góp (quy đổi)	Lồng ghép, vốn khác			
1	*2*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*	*39*	*40*	*41*
TỔNG														

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 002/ĐV/135.CSHT

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CSHT CHƯƠNG TRÌNH 135

(Kèm theo Công văn số: 680/BDT-KHTH ngày 14 tháng 11 năm 2020 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Huyện, xã	4. CÔNG TRÌNH VĂN HÓA												
		Số công trình					Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn				Vốn giải ngân (triệu đồng)	Số công trình hoàn thành	Ghi chú
		Khởi công mới	Chuyển tiếp, trả nợ	Duy tu bảo dưỡng	Xã CĐT	Cộng đồng thực hiện		NSTƯ (CT135)	NSĐP	Dân đóng góp (quy đổi)	Lồng ghép, vốn khác			
1	*2*	*42*	*43*	*44*	*45*	*46*	*47*	*48*	*49*	*50*	*51*	*52*	*53*	*54*
TỔNG														

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 002/ĐV/135.CSHT

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CSHT CHƯƠNG TRÌNH 135

(Kèm theo Công văn số: 680/BDT-KHTH ngày 14 tháng 11 năm 2020 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Huyện, xã	5. CÔNG TRÌNH Y TẾ												
		Số công trình					Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn				Vốn giải ngân (triệu đồng)	Số công trình hoàn thành	Ghi chú
		Khởi công mới	Chuyển tiếp, trả nợ	Duy tu bảo dưỡng	Xã CĐT	Cộng đồng thực hiện		NSTƯ (CT135)	NSĐP	Dân đóng góp (quy đổi)	Lồng ghép, vốn khác			
1	*2*	*55*	*56*	*57*	*58*	*59*	*60*	*61*	*62*	*63*	*64*	*65*	*66*	*67*
TỔNG														

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 002/ĐV/135.CSHT

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CSHT CHƯƠNG TRÌNH 135

(Kèm theo Công văn số: 680/BDT-KHTH ngày 14 tháng 11 năm 2020 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Huyện, xã	6. CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC												
		Số công trình					Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn				Vốn giải ngân (triệu đồng)	Số công trình hoàn thành	Ghi chú
		Khởi công mới	Chuyển tiếp, trả nợ	Duy tu bảo dưỡng	Xã CĐT	Cộng đồng thực hiện		NSTƯ (CT135)	NSĐP	Dân đóng góp (quy đổi)	Lồng ghép, vốn khác			
1	*2*	*68*	*69*	*70*	*71*	*72*	*73*	*74*	*75*	*76*	*77*	*78*	*79*	*80*
TỔNG														

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 002/ĐV/135.CSHT

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CSHT CHƯƠNG TRÌNH 135

(Kèm theo Công văn số: 680/BDT-KHTH ngày 14 tháng 11 năm 2020 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Huyện, xã	7. NƯỚC SINH HOẠT												
		Số công trình					Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn				Vốn giải ngân (triệu đồng)	Số công trình hoàn thành	Ghi chú
		Khởi công mới	Chuyển tiếp, trả nợ	Duy tu bảo dưỡng	Xã CĐT	Cộng đồng thực hiện		NSTƯ (CT135)	NSĐP	Dân đóng góp (quy đổi)	Lồng ghép, vốn khác			
1	*2*	*81*	*82*	*83*	*84*	*85*	*86*	*87*	*88*	*89*	*90*	*91*	*92*	*93*
TỔNG														

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 006/ĐP/2085

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT VÀ NƯỚC SINH HOẠT PHÂN TÁN, ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTG

(Kèm theo Công văn số: 680/BDT-KHTH ngày 14 tháng 11 năm 2020 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Xã, thị trấn	Tổng số hộ hưởng các nội dung chính sách	Tổng vốn thực hiện hỗ trợ	Tổng vốn thực hiện cho vay	Đất ở			Đất sản xuất							Nước sinh hoạt		Bố trí ổn định dân cư				Vay vốn hộ đặc biệt khó khăn		Ghi chú
					Số hộ	Diện tích (ha)	Vốn NS ĐP	Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất				Hỗ trợ chuyển đổi nghề			Số hộ	Vốn hỗ trợ	Số hộ	Kết quả thực hiện		Tổng vốn đã thanh toán	Số hộ	Số tiền	
								Vốn hỗ trợ	Số hộ	Diện tích (ha)	Vốn vay	Vốn hỗ trợ	Số hộ	Vốn vay				Vốn ĐTPT	Vốn SN				
1	*2*	*3=6+9+13+16 +18 +22*	*4=11+14 +17+21*	*5= 12+15+23*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21=19+20*	*22*	*23*	*24*

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 007/ĐP/12

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ UY TÍN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 12/2018/QĐ-TTg

(Kèm theo Công văn số: 680/BDT-KHTH ngày 14 tháng 11 năm 2020 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi)

Số TT	Nội dung thực hiện	Kế hoạch			Kết quả thực hiện			Ghi chú
		Số cuộc *(lớp, kỳ,)*	Số NCUT tham dự	Kinh phí	Số cuộc	Số NCUT tham dự	Kinh phí *(tr đồng)*	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	**Cung cấp thông tin cho NCUT**							
1	Hội nghị phổ biến, cung cấp thông tin cho NCUT:							
a)	Do cấp tỉnh tổ chức (Sở, Ban, ngành):							
b)	Do cấp huyện tổ chức							
2	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho NCUT:							
a)	Do cấp tỉnh tổ chức (Sở, Ban, ngành):							
b)	Do cấp huyện tổ chức							
3	Tổ chức cho NCUT đi thăm quan, giao lưu, học tập kinh nghiệm trong, ngoài tỉnh:							
a)	Do cấp tỉnh tổ chức (Sở, Ban, ngành):							
*	Tổ chức trong tỉnh:							
*	Tổ chức ngoài tỉnh (Hà Nội và ĐP khác)							
b)	Do cấp huyện tổ chức:							
*	Tổ chức trong huyện:							
*	Tổ chức ở các huyện khác trong tỉnh							
c)	Đón tiếp các Đoàn NCUT							
*	Cấp tỉnh tiếp các Đoàn NCUT các tỉnh							
*	Cấp tỉnh tiếp các Đoàn NCUT các huyện của tỉnh							
*	Cấp huyện tiếp các Đoàn NCUT các huyện khác của tỉnh							
4	Cấp báo, tạp chí cho NCUT:							
a)	Báo Dân tộc và Phát triển							
b)	Báo Quảng Ngãi							
5	Cấp radio cho NCUT thay thế năm 2019							
II	**Hỗ trợ vật chất, động viên tinh thần**							
1	Thăm hỏi, tặng quà NCUT nhân dịp Tết Nguyên đán							
a)	Do cấp tỉnh tổ chức:							
b)	Do cấp huyện tổ chức							
2	Thăm hỏi, tặng quà NCUT nhân dịp Tết của các DTTS (ghi cụ thể DTTS được thăm hỏi):							
a)	Do cấp tỉnh tổ chức:							
b)	Do cấp huyện tổ chức							
3	Thăm hỏi, động viên NCUT ốm đau:							
a)	Do cấp tỉnh tổ chức:							
b)	Do cấp huyện tổ chức							
4	Thăm hỏi, hỗ trợ gia đình NCUT gặp khó khăn:							

a)	Do cấp tỉnh tổ chức:							
b)	Do cấp huyện tổ chức:							
5	Thăm viếng, động viên NCUT và thân nhân gia đình NCUT qua đời:							
a)	Do cấp tỉnh tổ chức:							
b)	Do cấp huyện tổ chức:							
6	Hình thức thăm hỏi, hỗ trợ khác							
III	**Khen thưởng NCUT**							
1	Do cấp Trung ương khen thưởng							
	- Hình thức khen thưởng							
	- Số lượng NCUT được khen thưởng	người						
2	Do cấp tỉnh khen thưởng							
	- Hình thức khen thưởng							
	- Số lượng NCUT được khen thưởng	người						
3	Do cấp huyện khen thưởng							
	- Hình thức khen thưởng							
	- Số lượng NCUT được khen thưởng	người						
	Tổng cộng							

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 008/ĐP/1163

KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN "ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC VÀ TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO VÙNG DTTS&MN GIAI ĐOẠN 2017 – 2021" THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1163/QĐ-TTG

(Kèm theo Công văn số: 680/BDT-KHTH ngày 14 tháng 11 năm 2020 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Nội dung hoạt động	Số lượng	Kế hoạch (*Triệu đồng*)	Thực hiện *(Triệu đồng)*	Tỷ lệ

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 010/ĐP/498

KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN "GIẢM THIỂU TÌNH TRẠNG TẢO HÔN VÀ HÔN NHÂN CẬN HUYẾT THỐNG TRONG VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ GIAI ĐOẠN 2015-2025" THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 498/QĐ-TTG

(Kèm theo Công văn số: 680/BDT-KHTH ngày 14 tháng 11 năm 2020 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Đơn vị/cơ quan thực hiện	Tập huấn, cung cấp thông tin		Các hoạt động tuyên truyền, tư vấn, can thiệp về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống					Thống kê số vụ kết hôn						Kinh phí (triệu đồng)			
		Số cuộc	Số lượt người tham gia	Tuyên truyền qua báo đài địa phương (tin, bài...)	Xây dựng pa nô, áp phích (số lượng)	Số vụ tư vấn về tảo hôn và hôn nhân CHT	Số vụ can thiệp về tảo hôn và hôn nhân CHT	Hoạt động khác (nếu có)	Tổng số cặp kết hôn	Số cặp kết hôn tảo hôn		Tỷ lệ %	Số cặp kết hôn cận huyết thống	Tỷ lệ %	Kế hoạch giao			Tỷ lệ giải ngân (%)
										1 người tảo hôn	Cả 2 người tảo hôn				NSĐP	NSTW	Tổng	
	Tổng cộng																	

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 011/ĐP/1898

KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN "HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG BÌNH ĐẲNG GIỚI VÙNG DTTS GIAI ĐOẠN 2018-2025" THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1898/QĐ-TTG

(Kèm theo Công văn số: 680/BDT-KHTH ngày 14 tháng 11 năm 2020 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi)

Số TT	Nội dung chính sách thực hiện đối với bình đẳng giới	Khối lượng thực hiện			Kinh phí thực hiện				Ghi chú
		Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	NSĐP	NSTW	Tổng	Tỷ lệ % giải ngân so với KH	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	(8)=(6)+(7)	-9	-10
I	**Một số thông tin về thực trạng**								
1	Số vụ bạo lực trong gia đình DTTS được phát hiện	Vụ							
2	Số vụ bạo lực được can thiệp, hòa giải	Vụ							
3	Số lượng phụ nữ DTTS bị buôn bán qua biên giới	người							
4	Số lượng trẻ em gái DTTS bị buôn bán/tổng số	người/người							
II	**Cung cấp thông tin**								
1	Tuyên truyền, phổ biến BĐG								
	* Số cuộc	cuộc							
	- Số người tham dự	người							
2	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức								
	- Số cuộc	cuộc							
	- Số người tham dự	người							
3	Hỗ trợ thực hiện, xây dựng mô hình								
	- Số lượng mô hình trên toàn tỉnh	mô hình							
	- Số người tham gia thực hiện mô hình	người							
4	Hoạt động khác (nếu có)								
	Tổng cộng								

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 014/ĐP.BN/CSDT

Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách liên quan đến công tác dân tộc do bộ/địa phương..... quản lý chỉ đạo trong năm 2019

(Kèm theo Công văn số: 680/BDT-KHTH ngày 14 tháng 11 năm 2020 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi)

(Đơn vị: Triệu đồng)

STT	Tên Chương trình, đề án, dự án, chính sách	Vốn nhu cầu kế hoạch	Vốn được giao	Vốn đã giải ngân	Tỷ lệ giải ngân/ vốn giao	Một số kết quả chủ yếu
A	**Các chương trình, đề án, dự án, chính sách do bộ ngành quản lý, chỉ đạo**					
I	**Chương trình Nông thôn mới**					
II	**Chương trình 30a – Dự án 1**					
1	**Tiểu dự án 1**					
2	**Tiểu dự án 3**					
3	**Tiểu Dự án 4**					
III	**Chương trình 135**					
1	**Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBKK**					
-	Đầu tư phát triển					
-	Sự nghiệp					
2	**Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBKK**					
3	**Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng trên địa bàn xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBKK**					

VI	Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 498/QĐ-TTg					
V	Đề án đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2021 theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg					
VI	Đề án hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025 theo Quyết định số 1898/QĐ-TTg					
VII	Chính sách NCUT theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg					
VIII	Chính sách NCUT theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg					
IX	Chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg					
	- *Vốn đầu tư phát triển*					
	- *Vốn sự nghiệp*					
	- *Vốn vay*					
	……					
B	**Các chương trình, đề án, dự án, chính sách của tỉnh**					
I	Kế hoạch thực hiện Chương trình 1693/QĐ-UBND tỉnh ngày 19/9/2016 về Chương trình giáo dục gia đình đến năm 2020					
II	Cấp không thu tiền các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số miền núi nhân dịp Tết Nguyên đán					
	…..					

BIỂU TỔNG HỢP SỐ 013/ĐP/1557
KẾT QUẢ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 1557/QĐ-TTg

(Kèm theo Công văn số: 680/BDT-KHTH ngày 14 tháng 11 năm 2020 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Chỉ tiêu đối với đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS)	Kế hoạch được duyệt tại QĐ số 471/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Kết quả đạt được đến tháng 6/2020	Kết quả so với kế hoạch (%)	Ghi chú
1	Xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói				
1.1	Tỷ lệ hộ nghèo DTTS (%)	3% - 4%/năm			
1.2	Tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em DTTS dưới 5 tuổi (%)	<31,7			
2	Phổ cập giáo dục tiểu học				
2.1	Tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học đúng tuổi bậc tiểu học (%)	99			
2.2	Tỷ lệ người DTTS hoàn thành chương trình tiểu học (%)	>94			
2.3	Tỷ lệ người DTTS từ 10 tuổi trở lên biết chữ (%)	>98			
3	Tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ				
3.1	Tỷ lệ mù chữ của nữ người DTTS	<10			
3.2	Tỷ lệ học sinh nữ DTTS ở bậc tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông (%)	>45			
3.3	Tỷ lệ đại biểu nữ DTTS ở HĐND cấp xã (%)	>10			
3.4	Tỷ lệ đại biểu Quốc hội nữ/tổng số đại biểu quốc hội người DTTS (%)	≥50			
4	Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em				
4.1	Tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống	<14,3			
4.2	Tỷ suất tử vong trẻ em DTTS dưới 5 tuổi/1000 trẻ đẻ sống	<20,2			
5	Tăng cường sức khỏe bà mẹ				
5.1	Tỷ số tử vong mẹ người DTTS/100.000 trẻ sơ sinh sống (%)	<44			
5.2	Tỷ lệ các ca sinh của phụ nữ của phụ nữ DTTS được cán bộ y tế đã qua đào tạo đỡ %)	>93			
5.3	Tỷ lệ phụ nữ DTTS được khám thai ít nhất 3 lần trong kỳ mang thai (%)	>85			
6	Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các dịch bệnh khác				
6.1	Tỷ lệ nhiễm HIV ở nhóm dân số DTTS 15-24 tuổi (%)	<0,03			
6.2	Tỷ lệ bệnh nhân DTTS mắc sốt rét/1000 dân	<0,13			
6.3	Tỷ lệ DTTS mắc lao/100.000 dân	<90			
7	Đảm bảo bền vững về môi trường				
7.1	Tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (%)	88			
7.2	Tỷ lệ hộ DTTS được sử dụng hố xí hợp vệ sinh (%)	40			